TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 1

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Giá trị của chữ số 1 trong số 4 781 995 là:

A. 1 **B.** 10 000 **C.** 1000 **D.** 100

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số lớn nhất trong các số 918 523, 918 253, 919 523, 918 243 là:

A. 918 243 **B.** 919 523 **C.** 918 523 **D.** 918 253

Câu 3. *(0,5 điểm)* Số 221 229 đọc là:

A. hai trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi chín

B. hai trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi

C. hai trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi chín

D. hai trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi chín

Câu 4. *(0,5 điểm)* Một hội trường có 6 hàng ghế, mỗi hàng 29 ghế, người ta kê thêm 55 ghế nhựa. Có 202 người đến họp, mỗi người ngồi một ghế. Số ghế còn trống là:

A. 229 **B.** 82 **C.** 27 **D.** 37

Câu 5. *(0,5 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện: 7513 + 1164 + 3836 = ……

A. 13 513 **B.** 12 413 **C.** 12 513 **D.** 12 523

Câu 6. *(0,5 điểm)* 4000 kg = ……. tấn

A. 4 **B.** 40 **C.** 400 **D.** 5

Câu 7. *(0,5 điểm)* Góc có số đo 100° là:

A. góc tù **B.** góc vuông **C.** góc bẹt **D.** góc nhọn

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình thoi có cạnh 12 cm thì chu vi là:

A. 48 cm **B.** 144 cm **C.** 16 cm **D.** 24 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 2 triệu, 9 chục nghìn, 1 trăm và 7 đơn vị viết là: ……

b) Số «bốn triệu năm trăm linh bảy nghìn hai trăm hai mươi sáu» viết là: ……

c) Làm tròn số 5 762 888 đến hàng trăm nghìn được: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Tính giá trị của biểu thức:

a) a + b × 5 với a = 2303, b = 689: ……

b) m − n + p với m = 26 705, n = 8287, p = 4521: ……

c) (x + 2853) × 2 với x = 900: ……

Câu 11. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 8 tấn 500 kg ……. 5800 kg

b) 6 m^2 5 dm^2 ……. 650 dm^2

c) 3 thế kỉ ……. 301 năm

d) 611 211 ……. 611 201

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 3 tấn 79 kg = ……. kg

b) 8 tạ = ……. yến

c) 4 m^2 49 dm^2 = ……. dm^2

d) 4 phút 11 giây = ……. giây

Câu 13. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Hai đường thẳng vuông góc tạo thành bốn góc vuông	
b) Hình thoi có hai cặp cạnh đối diện song song	
c) 1 dm^2 = 10 cm^2	
d) Góc tù lớn hơn góc vuông	

Câu 14. *(1 điểm)* Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 2501 kg gạo. Ngày thứ hai bán được gấp 3 lần ngày thứ nhất. Ngày thứ ba bán được ít hơn ngày thứ hai 233 kg. Hỏi cả ba ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: ……. kg

b) Ngày thứ ba bán được: ……. kg

c) Cả ba ngày bán được: ……. kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 1

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	A	C	C	A	A	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 2 090 107

b) 4 507 226

c) Chữ số hàng chục nghìn là 6 nên được 5 800 000

Câu 10.

a) $2303 + 689 \times 5 = 2303 + 3445 = 5748$

b) $26\,705 - 8287 + 4521 = 18\,418 + 4521 = 22\,939$

c) $(900 + 2853) \times 2 = 3753 \times 2 = 7506$

Câu 11.

a) $8500 > 5800$

b) $605 < 650$

c) $300 < 301$

d) $611\,211 > 611\,201$

Câu 12.

a) $3000 + 79 = 3079$

b) 1 tạ = 10 yến: 80

c) $400 + 49 = 449$

d) $4 \times 60 + 11 = 251$

Câu 13.

a) Đ; b) Đ; c) S; d) Đ

Câu 14.

Ngày thứ hai: $2501 \times 3 = 7503$ (kg)

Ngày thứ ba: $7503 - 233 = 7270$ (kg)

Cả ba ngày: $2501 + 7503 + 7270 = 17\,274$ (kg)